TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2018/HNGĐST
Ngày 28-9-2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thu Anh**

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T1** – sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: số 315, tổ 10, ấp ĐB, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: số 315, tổ 10, ấp ĐB, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/8/2018 và ngày 14/8/2018 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 06 tháng 3 năm

2009. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ hay ăn nhậu, về nhà thường chửi mắng vợ con, có lúc chị bị anh Đ đánh và cũng có báo với chính quyền địa phương. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Chị đã khuyên anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Trước đây anh Đ đã từng cam kết sẽ không tái phạm, chăm lo làm ăn. Nay anh Đ vẫn không thay đổi, nên chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 6/2018 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Nguyễn Huy T2 – sinh ngày 05/3/2005

2. Nguyễn Thị Ngọc T3 – sinh ngày 17/11/2007

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với cha mẹ.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà tọa lạc tại số 315, tổ 10, ấp ĐB, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, chị T1 yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- *Về quan hệ con chung:* Chị yêu cầu được nuôi hai cháu Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thị Ngọc T2, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/8/2018 và ngày 14/8/2018 và các lời khai tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Anh Đ xác nhận lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng để phải ly hôn. Thỉnh thoảng anh đi nhậu về, chị T1 cằn nhằn nên anh có chửi mắng; nhưng anh vẫn còn thương vợ thương con, muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng xây dựng gia đình, nuôi dưỡng con cái trưởng thành. Tuy nhiên, anh Đ thừa nhận là trước đây anh có đánh chị T1 01 lần.

Tại phiên tòa, anh Đ yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh không đồng ý ly hôn với chị T1.

Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì:

- *Về quan hệ con chung:* Anh yêu cầu được nuôi hai cháu Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Ngọc T3, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Nếu Tòa án giao hai con cho chị T1 nuôi dưỡng thì anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi hai cháu T2 và T3 đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đều được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 51, Điều 68, Điều 97, Điều 195, 196, Điều 203, từ điều 208 đến điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị T1, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao hai người con là Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Ngọc T3 cho chị T1 nuôi dưỡng, ghi nhận anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét,

+ *Về nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T1 được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01, ngày 06/3/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T1 đã cho anh Đ cơ hội để sửa đổi, chị T1 đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, nhưng sau đó đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2018, nhằm tạo điều kiện để anh Đ sửa đổi; đồng thời, bản thân anh Đ cũng đã có cam kết sẽ sửa đổi, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T1 yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi hai cháu Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Ngọc T3 của chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Văn Đ,

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Ngọc T3 thì nguyện vọng của cả hai cháu T2 và T3 là đều muốn được ở với mẹ là chị T1. Ngoài ra, vì trong hai cháu có cháu T3 là con gái nên quá trình trưởng thành và phát triển tâm sinh lý về sau này rất cần có sự quan tâm và thấu hiểu của người mẹ, việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị T1 là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi hai cháu T2 và T3 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: chị T1 và anh Đ cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Chị T1 và anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T1 và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho hai người con của anh Nguyễn Văn Đ.

Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí

hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 57, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu Nguyễn Huy T2 – sinh ngày 05/3/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T3 – sinh ngày 17/11/2007 cho chị Lê Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Đ về việc cấp dưỡng nuôi hai cháu Nguyễn Huy T2 – sinh ngày 05/3/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T3 – sinh ngày 17/11/2007, mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi hai cháu Nguyễn Huy T2 và Nguyễn Thị Ngọc T3 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* chị Lê Thị T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0005093 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:* Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo